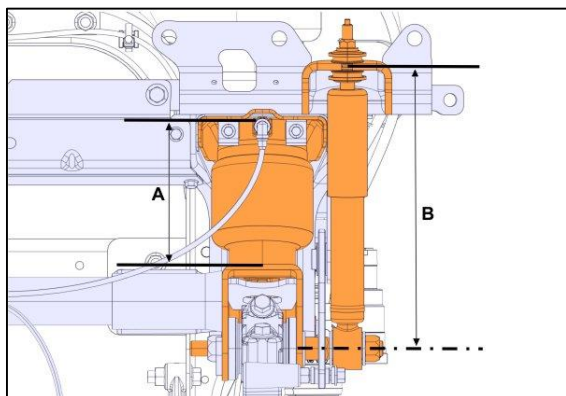


Hệ thống treo cabin

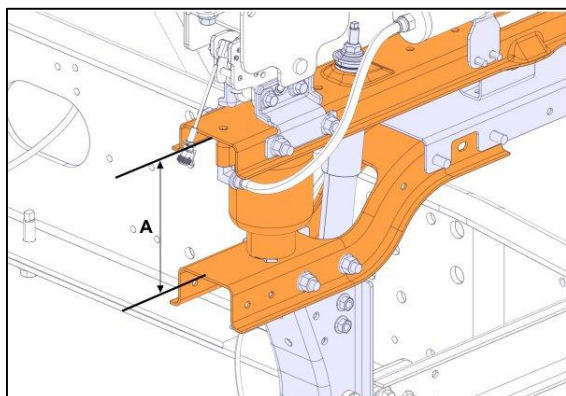
Hệ thống treo khí nén cabin

Chiều cao hệ thống treo cabin trước, thông số kỹ thuật



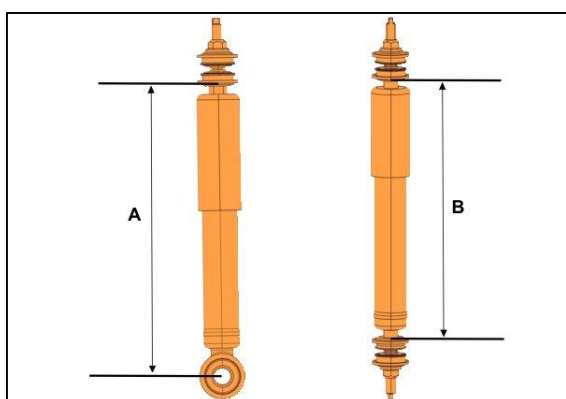
A	Hệ thống treo cabin trước	180 – 185 mm
B	Hệ thống treo cabin trước	332 – 337 mm

Chiều cao hệ thống treo cabin sau, thông số kỹ thuật



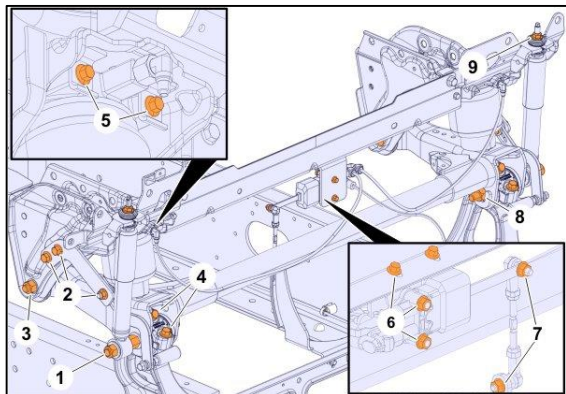
A	Hệ thống treo cabin sau	185 – 190 mm
---	-------------------------	--------------

Chiều dài phuộc giảm xóc, treo khí nén



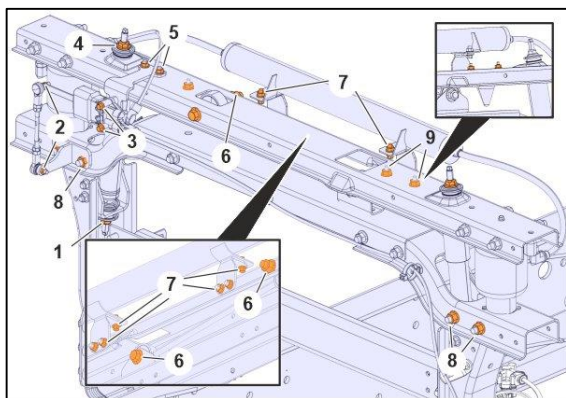
A	Chiều dài phuộc giảm xóc, trước	252.5 mm
B	Chiều dài phuộc giảm xóc, sau	248 mm

Hệ thống treo cabin trước, lực siết



1. Phụộc giảm xóc, đai ốc	290 ±45 Nm
2. Bệ đỡ nghiêng, giá đỡ, đai ốc	105 ±20 Nm
3. Thanh cân bằng, đai ốc	290 ±45 Nm
4. Mũ neo, vít	175 ±30 Nm
5. Bầu khí nén, vít	24 ±4 Nm
6. Van điều khiển, đai ốc	24 ±4 Nm
7. Van điều khiển mức độ, thanh điều khiển, đai ốc	10 ±2 Nm
8. Thanh cân bằng, đai ốc	290 ±45 Nm
9. Phụộc giảm xóc, đai ốc	20 Nm

Hệ thống treo cabin sau, lực siết



1. Phụộc giảm xóc, đai ốc	20 Nm
2. Van điều khiển mức độ, thanh điều khiển, đai ốc	10 ±2 Nm
3. Van điều khiển, đai ốc	24 ±4 Nm
4. Phụộc giảm xóc, đai ốc	20 Nm
5. Van điều khiển, đai ốc	24 ±4 Nm
6. Giá Panhard	175 ±45 Nm
7. Buồng khí nén, đai ốc lắp đặt	24 ±4 Nm
8. Hệ thống treo khí cabin, thanh dầm ngang, đai ốc	120 ±20 Nm
9. Dừng va chạm, đai ốc	24 ±4 Nm